

## Truyện dài

# TIẾNG MỒ TRONG ĐÊM

## Chương 1

Trời mới vừa tờ mờ sáng, cảnh vật còn quá im lìm. Vậy mà trên bờ kinh U Minh Hạ Cà Mau, những người dân tản cư năm xưa bây giờ họ đang bắt đầu chuẩn bị một cuộc hồi cư, khiến cho cái cảnh bịn rịn diễn ra rất là buồn bã. Mà cách nay mấy năm họ đã chạy giặc tới đây, rồi tự nhiên mọc gốc mọc rễ xuống ở chỗ này. Bây giờ bỗng đứng lại tính chuyện hồi cư, thì thử hỏi trong lòng không buồn làm sao cho được.

Trong số những người này lại có ông Tám Cho, ông Bộ Tòng và ông Ba Dương là ba anh em kết nghĩa có nhau. Ngày hôm nay họ đang sửa soạn để hồi cư, mà trong lòng buồn không sao tả xiết. Bởi vì vùng đất Cà Mau này, đã bao bọc và che chở cho họ một cuộc sống còn. Tuy cực khổ nhưng vẫn có được chén cơm, khi chịu cực đang nắng dầm mưa để khai phá đất hoang xăn đất lên liếp đắp bờ, rồi ở dưới ruộng thì cấy lúa, còn trên bờ thì trồng giặm thêm hoa màu để mà sinh sống.

Ngày hôm nay đất nước đã hòa bình, nên họ đã cùng nhau chuẩn bị một cuộc hồi cư, khiến cho một cuộc chia tay đầy nước mắt. Ông Bộ Tòng ngâm điệu thuốc rê trên môi, để nghiền ngẫm bao nhiêu thứ ràng buộc ân tình, mà khi ông chạy giặc tới đây, thân sơ chỉ có một mình, không bà con thân thuộc. Vậy mà gia đình ông đã được những người tới trước, họ dang cánh tay độ lượng để bảo bọc chỉ vẽ khai khẩn đất hoang. Chớ họ không nề hà hay so hơn tính thiệt những ngày công, nhờ vậy mà ông mới dựng lên được một căn nhà để ở.

Ông bước ra sau hè đứng ngó mong vô cánh rừng một hồi, để hồi tưởng lại những ngày chạy giặc tới đây. Tuy rừng rậm địa vất muối mòng san đã mịt mù, vậy mà tình tương thân tương ái rất là thấm thiết đã tỏ ra trong cuộc sống với nhau, chớ họ không có thói ích kỷ thường tình, mà trong xóm trong chòm chúng ta thường gặp phải. Có một gia lúa giống họ cũng sốt chia đôi, nên gần tới lúc chia tay làm cho ông vô cùng bịn rịn. Khi thấy người này đi lại nhà gọi cho món này, người kia thì gọi cho một xâu khô cá chạch, hoặc vài ký tôm khô, đó là một thứ ơn nghĩa ở đời, nên ông đứng nhìn mấy thứ đó mà buồn rưng rưng trong bụng.

Ông bập thêm vài hơi thuốc nữa, rồi lững thững trở vô nhà hối bà vợ nấu một nồi cháo cá lóc xong, sau đó đi mời một số bạn bè cô bác ở gần nhà, trước là ăn với ông một bữa cơm, sau nữa là để cho ông từ già. Nhưng ông lại nghe hơi đau nhói ở trong lòng, bởi ông nghe luyến tiếc nhớ thương, từ con xẻo sau nhà, cho tới cây mắm bị ông chặt ngọn chẳng ba, để cho bà vợ ông đặt lên đó

một thùng đất thịt trồng mấy bụi hành hương vừa đâm đọt. Còn xéo ra phía ngoài một chút, là một cái ụ xuống, mà khi ông vừa chạy giặc tới đây, đã ra sức móc lên để bắt cây cầu nước làm nơi tắm giặt.

Thông thường hằng ngày nước kém, là ông trải xuống mấy tấm dăng. Đợi khi nước cạn để bắt cá kiếm ăn. Nhưng cũng có những con nước gặp cá ngát, cá chột, cá úc, cua kinh không biết bao nhiêu mà kể. Còn ngày mai đây ông phải lìa bỏ chỗ này, để hồi cư về quê không biết cuộc sống phải ra sao, nhưng ông cũng không thể ở lại nơi này lập nghiệp. Vì hai tiếng chôn nhau cắt rún nó cứ thúc giục trong lòng, cho nên từ hôm có lệnh “đình chiến” tới nay, thì hai vợ chồng ngày đêm cứ tính tới đường về quê cũ. Mặc dầu ở nơi đó, bây giờ không biết ra sao. Bởi một cuộc chiến tranh kéo dài, trong suốt thời kỳ 9 năm kháng Pháp để giành độc lập. Chắc là nhà cửa xác xơ, chớ đâu còn nguyên vẹn như hồi trước nữa...

Bao nhiêu chuyện suy nghĩ về làng mạc thân yêu, cứ ám ảnh ông hoài, như một cuốn phim cứ chiếu chập vào những đêm khuya. Nhưng ông Bộ Tòng cố nén xuống cho qua, rồi đôn đốc bà vợ lo làm một bữa tiệc cháo cá để đãi đằng mấy người bạn thân trong những năm chạy giặc. Bữa tiệc cháo cá lóc ở đây thì nó quá thường, nhưng được có một cái bà vợ ông là một người rất khéo tay, nên món ăn nào do bà nấu cũng rất là ngon miệng. Phần bà đã có bỏ gia vị nào là: tiêu, hành lá xắt nhỏ chấy vàng, nên nồi cháo cá lóc của bà cũng khác với người ta, rồi bà còn chế biến thêm một món rau ghém trộn với rau đắng đất ăn cháo cá rất ngon, nhờ vậy mà mọi người đều ăn tới no mà không thấy ngán.

Ăn xong rồi cô bác họ cũng tản mác ra về, để cho ông Bộ Tòng rảnh rang lo sửa soạn xuống bọng hồi cư. Vì ai nấy cũng biết trước đây là một cuộc chia tay không thể nào ngăn cản được. Riêng ông Chín Dương và ông Tám Cho thì còn ngồi nán lại, để hỏi han với nhau những chuyện còn nằm sâu kín trong lòng, mà từ hồi chạy giặc đến đây, ba ông này sống chết có nhau nên rất là thân thích. Sau khi hút thêm nửa điếu thuốc rê, thì ông Chín Dương nói nhỏ:

- Anh Tám, với anh Bộ cứ việc hồi cư. Khi nào ở ngoài đó sống không được thì cứ đi vào, anh em bà con ở đây không có bỏ hai ông đâu mà sợ...

Phải nói đây là một câu nói hết sức chân tình, nên ông Tám Cho nói:

- Tôi cũng xin cám ơn anh Chín. Thôi anh với gia đình ở lại đây mạnh giỏi, khi nào có việc thì đi ra ngoài xứ Bến Tre, hỏi thăm bà con rồi tìm tới làng Lộc Thuận huyện Bình Đại của tui tui chơi. Tui tui mà không nhờ có anh dẫn dắt ở đây, thì không biết mấy năm nay tản cư làm sao để sống.

Ông Chín Dương hớp thêm ngụm nước trà nữa, rồi nói với giọng buồn buồn:

- Để vài tháng nữa tới mùa nước rút. Tôi với mấy đứa con trai đi xuống miệt rừng Năm Căn, đốn cho hai anh mỗi người một cặp cột cây “Cóc” cất nhà. Tới chừng đó thì tôi kiếm mượn một chiếc ghe lườn hơi trọng một chút rồi chở ra luôn, chớ hai ông hồi cư bắt tử như vậy thì ở đây bà con làm sao giúp đỡ cho kịp.

Ông Tám Cho và ông Bộ Tòng chớp mắt để che dấu nỗi cảm động trong lòng, khi thấy ông Chín Dương đã thực lòng muốn giúp đỡ hai ông, nên ông Bộ Tòng nói trong tiếng nghẹn:

- Cái tấm lòng quý hóa của anh Chín hai đứa tôi đã ghi tạc vào lòng, chỉ mong khi nào có dịp để mình gặp lại nhau thôi. Chớ còn anh chớ hai cấp cọt từ đây về tới đó, thì cũng lắm cảnh sơn trường chớ đâu phải dễ. Thôi anh cũng đừng lo lắng gì nhiều quá cho tui tôi, mà anh ráng dưỡng sức nghỉ ngơi trong cái tuổi già. Bởi tôi đã thấy anh năm nay cũng hơi xuống sức rồi đó...

Ba người làm thình mà không nói, khi họ đã cảm nhận một nghĩa cử thâm giao, mà trên bước đường chạy giặc tình cờ họ cùng với nhau trú ngụ trên một bờ kinh có quá nhiều tình nghĩa. Mặc dầu hoàn cảnh người dân ở đây người nào cũng nghèo xác nghèo xơ, nhưng trong cuộc sống của họ trọng nghĩa khinh tài, hễ trong xóm có động tịnh chuyện gì thì họ cùng nhau hết lòng giúp đỡ. Chắc có lẽ cũng nhờ vậy mà chỉ trong vòng có mấy năm giặc giã, mà dọc theo bờ kinh U Minh Hạ những túp lều nhà lá đơn sơ bắt đầu mọc lên san sát. Ngày hôm nay đã yên giấc rồi, nhưng đã có một số người tính ở lại lập nghiệp luôn, chớ không còn tính tới con đường hồi cư trở về nơi quê quán nữa.

Ba ông ngồi uống nước trà hút thuốc thêm một hồi, rồi ông Chín Dương cũng đứng dậy ra về, nhưng ông lại nhảy băng mương để lội tắt về nhà cho nó nhẹ. Còn lại hai người, ông Tám Cho hỏi:

- Xuông bông gì anh có xảm trét lại chưa?

Ông Bộ Tòng nhìn xuống hai bàn tay, còn dính dầu chai rồi nói:

- Tôi tính lên một cặp “be chong”, mà lội kiếm mua hai lá be không được. Nên chỉ có xảm trét lại chèo đỡ mà thôi, nên đồ đạc chắc bỏ lại hết cho bà con, chớ chiếc xuông của tui nhỏ quá, nội chỉ chớ có mấy người mà chèo đi còn sợ lật...

Ông Tám Cho vui vẻ, nói lớn:

- Xuông đăng tui chắc còn nổi. Vậy có món gì thì biểu mấy đứa nhỏ vác lại đăng tui. Nhớ đem về vài gia lúa giống, để về tới xứ mình lo khai phá được vài công đất Chà Đò rồi vãi xuống gieo mạ cấy mùa đầu, chớ mình về bất tử như vậy thì sợ lúa giống không biết ở đâu mà kiếm. Thôi tui đi ở đăng đăng lo uốn cặp hai lá be chong, coi vậy mà muốn lên thêm cũng không phải dễ. Tui với thằng Chắc phải trần thân hết mấy bữa rày, để đeo mấy dây cong, vì gặp cây cóc nó cứng quá đeo một hồi thì cái búa tai lại lục, nên phải mài hoài mới cực trần thân đây chớ...

Ông Bộ Tòng tém đót thuốc dán lên môi, rồi hỏi:

- Anh định cho thằng Chắc đi về một lượt hay sao?

Ông Tám Cho ngược lên nói:

- Đi luôn một lượt có bề gì thì mình cũng dễ bề xoay trở hơn. Chớ để nó đi về bằng đường xe một mình thì tui lo lắm.

Rồi ông Tám Cho hỏi lại:

- Còn thằng Tư Hòa anh tính sao đây?

Ông Bộ Tòng trầm ngâm một hồi, rồi nói nhỏ:

- Chắc tôi phải để nó ở lại trong này thêm ít tháng nữa, chừng nào mình đi về ngoài yên nơi chỗ rồi sẽ hay. Chớ tôi sợ mình đi một lượt như vậy, rồi gặp mấy người xấu bụng thì mình lo dữ lắm...

Hai ông bạn già ngồi nói chuyện một hồi, rồi ông Bộ Tòng hỏi lại:

- Đăng anh có cụ bị khô cá sặc, cá lóc gì hôn. Chớ ở nhà này thì bị trượt he, vì hôm tháo vuông đập sao năm nay bị thất quá...

Ông tám Cho cười khì khì, rồi nói lớn:

- Tui năm nay coi vậy mà cái vuông lại trúng. Nội cá sặc lòi tho tui phơi khô cũng được cả năm chục ký, còn cá lóc thì tui làm mắm đầu cũng đầy một khạp, với chừng một chục kí khô lươn, còn khô rắn mấy bữa rày thằng Chắc lấy đem lên nhà in để cho mấy ổng nhậu.

Từng tiếng than vãn với nhau từng mủng hằng ngày, nhưng hai ông này đã quán quýt với nhau. Vì từ nơi đám rừng lá tối trời xã Châu Bình, rồi trôi giạt tản cư đến nơi đây hai người không rời nhau một bước. Khi bóng nắng buổi chiều vàng vọt rọi xuống hiên nhà, thì ông Tám Cho nói tiếp:

- Thôi tui đi, để anh rảnh rang lo sửa soạn đồ đạc chớ còn không thì mình lụp chụp quên trước quên sau. Nhớ đem theo mấy hạt giống hạt bầu, mướp, khổ qua, đậu bắp, khoai lang, khoai mỡ đựng về tới ngoài có mà trồng. Ba cái thứ đó coi vậy, mà ở đâu cũng rất là cần thiết trong cuộc sống.

Ông Bộ Tòng ngóng theo nhìn ông Tám Cho đang bước thấp bước cao khuất qua đầu xèo, rồi ông cũng lo hối vợ con lo sửa soạn đồ đạc trong nhà. Vì ông là một người gốc điền chủ tiểu tư sản ngày xưa, nên việc gì cũng có bà vợ nai lưng ra gánh vác. Nhờ vậy mà ông ta mới được thanh thoi, mặc dầu đã chạy giặc cực khổ như vậy, mà thuốc hút của ông cũng phải là loại thơm khói không phèn, còn trà lá thì phải nhúm bỏ cho đủ “ba ngón tay” vô một bình trà thì ông mới chịu.

Cũng trong những ngày vui mừng phấn khởi của toàn dân miền Nam đó, Việt Minh họ đã có một sách lược cài người ở lại quá rõ ràng. Họ chỉ tuyển chọn một số người nào có đủ tiêu chuẩn, cho đi tập kết ra miền Bắc mà thôi, còn bao nhiêu cán bộ ưu tú trung kiên thì họ cài ở lại. Nếu sau hai năm đình chiến mà tổng tuyển cử hiệp thương không thành, thì phải nổi dậy và tiếp tục cuộc trường kỳ kháng chiến cho tới khi giành được thắng lợi mới thôi.

Số cán bộ nào còn độc thân, thì họ nhanh chóng nhờ mấy bà mẹ chiến sĩ có miệng mồm lanh lẹ, đi dụ dỗ mấy đứa con gái có cảm tình với cách mạng, làm mai mối hoặc tìm cách cấp đôi theo cái kiểu gả bán nhà nghèo, chỉ cần đập nhẹp làm một cặp vịt với mặc bộ đồ bà ba, sau đó để mấy ông cán bộ Việt Minh đứng lên làm lễ tuyên bố. Rồi chừng vài bữa sau thì mấy anh chàng chiến sĩ này xuống tàu tập kết ra Bắc, bỏ lại những người con gái ngây thơ trong trắng rất đáng thương. Họ chưa biết nếm đủ mùi vị ái ân của tình nghĩa vợ chồng, thì đã trở thành một người thiếu phụ chờ chồng, mà không biết đến ngày nào sum họp...

## Chương 2

Sáng sớm hôm nay nhằm ngày nước kém, ông Tám Cho và ông Bộ Tông cùng với mười mấy gia đình nữa, đã cùng nhau trú ngụ trên bờ kinh U Minh Hạ đang chuẩn bị một cuộc chia tay. Trên khước mắt của họ đều rưng rưng ngấn lệ, khi họ nhìn thấy hai gia đình này đang sắp đặt đồ đạc xuống xuống, cùng với mười mấy gia đình khác từ trong xẻo ngọn chóng xuống ra, tụ họp lại nơi đây đợi nước vực ròng để chèo đi cho kịp nước.

Khiến cho mấy người còn ở lại đưa tiễn nước mắt ngậm ngùi, khi họ nghĩ lại phận mình không biết phải về đâu, vì cả dòng họ đã lạc loài xiêu tán. Thôi thì xin đất nước ông bà cho họ nhận nơi này làm quê hương, để ra sức phá rừng làm rẫy, làm ruộng để sinh sống qua ngày, mà một cuộc chiến tranh ác liệt vừa qua, máu người dân đã đổ xuống vùng đất thiêng liêng này không phải ít.

Rồi đoàn ghe xuống từ từ tách bến, kẻ chóng người chèo, người tát nước kẻ ru con đã làm cho hai bờ kinh thêm rộn ràng tiếng người cười nói. Còn ở dưới ghe xuống, thì họ lằm lũi chèo đi dưới ánh nắng mặt trời. Hễ ngược con nước ở đâu, thì họ cắm dầm cột lại rồi nấu cơm ăn để chờ thuận nước rồi chèo xuống đi tiếp. Chớ không thể hoãn trì, vì sợ nạn cướp cạn ban đêm, mà thời buổi này ở đâu cũng có. Nhứt là ngay chỗ khúc sông ông Đốc chèo về tới chợ Cà Mau, có một băng đảng lộng hành đón ghe thương hồ dí dao cướp của. Cho nên hễ màn đêm vừa buông xuống, thì cả khúc sông này vắng ngắt không một bóng người, chỉ có tiếng chim bìm bịp kêu nước lớn mà thôi, cùng với tiếng cá sủu tấp mỗi trong bãi mái dầm vang lên rất là buồn thảm. Như một điệp khúc về đêm, mà ở vùng sông nước mênh mông này nơi đâu cũng có.

Tới sáng hôm sau thì họ đã chèo về tới huyện Hồng Vân, chỗ giáp nước của con kinh Phụng Hiệp đang chia bảy ngã. Để rồi từ đó đoàn xuống hồi cư này nhập với dòng đời, có những chiếc xuống, chiếc ghe nổi họ buôn bán ở dưới ven sông, nên tiếng rao bán buôn rất là vui vẻ. Làm cho mấy đứa con nít mở mắt ra nhìn, mà mấy bữa trước hồi còn tản cư ở trong mũi đất Cà Mau không bao giờ nhìn thấy. Có đứa lại đòi ăn, khi tụi nó nhìn thấy những bịch cơm chuối, với mấy cây kẹo gừng đang treo lơ lửng. Thế là từng chiếc xuống lần lượt cặp vô, họ mua sắm thêm mắm muối, trà lá mà họ biết trước từ đây chèo xuống về tới nhà phải còn xa dữ lắm...

Trên gương mặt người nào cũng hần lên bao nỗi khắc khổ gian truân, mà trong thời buổi chiến tranh phải đi chạy giặc lìa bỏ xóm xóm làng, bây giờ yên giấc rồi quay trở lại làng cũ nhà xưa, nhưng trong lòng mỗi người đã nghe một

nổi buồn tan tác. Họ phải ráng sức để chèo chiếc xuồng đi cho kịp con nước chảy xuôi, chớ còn chậm trễ gặp nước ngược thì làm sao chèo bơi cho nổi. Bởi do đó mà họ phải đem hết sức bình sanh ra, để chèo chống chiếc xuồng không dám lơ tay. Mà dân chúng sanh sống dọc theo vùng sông nước này, ai nấy cũng phải biết nằm lòng. Chớ còn không thì kể như gặp nước ngược phải ngủ đêm, tới chùng đó lớp sợ cướp trộm dọc đường, lớp sợ hà bá thủy thần đêm khuya canh vắng hiện về quấy phá. Đó là những cơn sợ viễn vông, nhưng mà nó cứ truyền miệng, từ đời ông cho tới đời con cháu.

Từng mũi xuồng rẽ nước đi tới băng băng, mà ở trên xuồng trẻ con và người lớn áo quần thì tới tả. Nhưng những người đang sống ở trên bờ thì có hơn gì, gương mặt của họ đã óm nhom, ôi một đất nước đang bị giặc Tây đô hộ gần cả trăm năm, rồi tới Nhật Bản nhảy vào đảo chánh. Để rồi tội giặc nào cũng phá hoại đất nước tan tành, nó giết hại dân lành không chút xót thương. Còn lúa thóc thì nó đốt hết chớ không để cho dân ăn, hoặc nó chở đi qua bên Miến Điện, Thái Lan, để đốt đầu máy xe lửa chạy vì trên thế giới lúc này than đá đang khan hiếm. Nhưng quân đội phát xít của Nhật Bản, họ không một chút động lòng. Mà họ cứ tiếp tục thu lấy của dân, để thiết lập đường rầy xe lửa phục vụ cho chiến trận...

Khi đoàn ghe đi qua vàm sông Cả Côn, thì họ từ từ tách ra mỗi người đi mỗi ngã. Có người thì bẻ mũi xuồng xuôi về bên chợ Lách, có người thì cố chèo nước ngược đi về phía Vĩnh Long, như một đàn chim bay mỗi cánh đã tới lúc phải rẽ bầy, nên họ vội vàng nói mấy câu từ giã với nhau, rồi mạnh ai nấy chèo xuồng về quê nhà cho còn kịp nước.

Riêng đoàn ghe của ông Hào Khựng dẫn đầu, thì chèo dọc theo mé sông Hàm Luông, rồi xuôi theo con nước rồng để tìm đường vô chợ. Bởi vì ông ta muốn dẫn đi ngả tắt, cho nó được gần. Chớ còn đi qua ngã chợ Lách, rồi phải đi theo dòng nước Cửu Long, rồi khi gặp sóng gió thì mấy chiếc xuồng con này sợ không chịu nổi. Ông ta lo dòm ngó đôn đốc bà con, coi có chiếc xuồng nào bị khẳm, hay có bị phá nước gì hôn để còn tiếp cứu.

Khi chèo tới chợ Bến Tre thì trời cũng chạng vạng tối rồi, nên họ tìm chỗ kín đáo neo xuồng đậu ngủ đờ qua đêm, đợi sáng ngày mai rồi sẽ chèo đi tiếp nữa. Từng chong đèn trứng vịt được thắp lên bằng mỡ chuột, hoặc dầu lửa nhưng đã hạn chế tối đa, người ta chỉ khêu cái bắc của ngọn đèn vừa đủ cháy sáng lên như đom đóm. Chừng một lúc sau thì có vài ngọn khói bay lên, từng nổi cơm sôi bắt đầu cạn nước. Bữa ăn hui hút vội vàng được dọn ra, với những con khô sặt rần nướng trên bếp than hồng, mùi thơm của mỡ cá lại vang lừng bay lên trong gió.

Thỉnh thoảng cũng có tiếng trẻ con, nhai vú da lách chách đòi sữa thật buồn. Nhưng người mẹ dường như đã kiệt sức mỗi mòn vì đời sống chén cơm, nên cứ nằm yên để mặc tình cho đứa nhỏ nhai vú da theo thói quen trong những cơn buồn ngủ. Rồi những tiếng thở dài thườn thượt áo não lại vang lên, khi những người lớn đang nghĩ tới cái cảnh ngày mai phải làm sao để tìm đất sống. Không biết bà con chòm xóm bây giờ ra sao, ai còn ai mất trong những ngày giặc giả tàn cư loạn lạc như thế này!

Bởi một cuộc chiến tranh khốc liệt kéo dài suốt 9 năm chống Pháp vừa qua, không biết bao nhiêu bom đạn đã dội xuống trên đầu, mạng sống của con

người như treo trên sợi tóc. Chỉ cần một chút rủi may, thì cả gia đình cũng có thể chết vì một trái đạn mọt chê (mortier), hay bị máy bay đâm giã nó quần bắn chết phơi thây trên đồng ruộng.

Nhưng rồi cuộc chiến tranh lại kết thúc quá vội vàng, đất nước lại chia đôi, không biết rồi sau này số phận của dân tộc sẽ ra sao, khi các thế lực siêu cường của ngoại bang đang đè nặng. Khiến cho họ phải lo sợ âm thầm, lặng lẽ giữ nóp cho sạch bụi rồi tìm cách chung vô nằm, dường như không ai dám bước lên bờ vì sợ lính Bảo An hay công an cảnh sát xét hỏi giấy tờ thì không biết phải làm sao. Bởi từ lúc chạy giặc vô khu giải phóng tới giờ, họ đâu có một miếng giấy tùy thân nào, ngoại trừ cây cuốc trên vai với cây cù móc cua để làm phương tiện sinh nhai. Cho đến ngày hôm nay yên giặc họ mới dám trở về, như một người từ trong rừng trong bụi chui ra, nên trên gương mặt của họ da vẻ nám đen trông rất là khờ khạo.

Màn đêm đã buông xuống chập chùng, từng tiếng hỏi thăm nhỏ lại vang ra, sau đó rồi họ cũng chìm vào trong giấc ngủ. Người nông dân nghèo khổ, họ rất thích ứng với cảnh ăn bụi ngủ bờ, cho nên chừng một lúc sau thì họ đã nằm ngủ mê man trong chiếc nóp. Tội nghiệp cũng có mấy đứa nhỏ bị ngộp hơi, nên tụi nó co chun giãy giữa một hồi, rồi khóc thét lên để cho người mẹ thức giấc mà đưa tay ra đỡ. Sau đó là tiếng hát ru nhỏ vang lên buồn thảm giữa đêm trường, mà dòng người hồi cư này lặng lẽ như một bóng ma, họ đậu xuống lại ngủ nhờ nơi đây, rồi sáng ngày mai lại chèo xuống đi không bao giờ trở lại.

Sao mai vừa rặng mọc dưới chun trời, mọi người đều thức dậy lo lục đục nấu cơm, có người khá giả còn cụ bị được bình trà, nên họ rủ nhỏ với mấy người bạn thân sống chết có nhau, rồi họ uống vội vài tách trà để chuyện trò dạn dò với nhau những điều thầm kín. Đó cũng là bản tính của người Nam Bộ từ trước tới nay, một khi họ đã đi lưu lạc tới nơi cuối bãi gấm trời, thì trước lạ sau quen gì họ cũng xem như huynh đệ.

Trời vừa hừng sáng thì họ xuôi con nước chèo vô kinh Chệt Sậy, rồi tìm ngã tắt chèo về phía con sông Ba Lai. Từ nơi đây họ chèo rút về tới vàm rạch Cả Muồng, để từ đó họ chèo nước ngược đi vô tới làng Lộc Thuận, quận Bình Đại tỉnh Bến Tre. Nhưng dường như mọi cuộc sống của thổ nơi đã được san bằng, khi chiến tranh đã đi qua nơi đây còn để lại biết bao nhiêu dấu vết tang thương, không còn thấy bóng dáng một cái chuồng trâu nào nằm cặp mé kinh, để nhốt những bầy trâu sau một buổi kéo cày rồi lùa về nằm nghỉ ngơi nơi cỏ. Tất cả đều hoang vắng lạnh lùng, chỉ còn có tiếng chồn cáo cộc chạy sột soạt trong lùm, trong bụi hòa lẫn với tiếng cò, tiếng diệc đang nhá mũi cho con ăn trên mấy chạc cây bần nghe vang lên áo não...

Đoàn người chèo xuống cứ việc lầm lũi mà đi, khi tới đầu xẻo của dây đất ông Năm Luân, thì đã có một số chia tay rồi lủi xuống chèo vào trong đó. Chỉ có còn lại gia đình ông Tám Cho, ông Ba Đức, ông Bộ Tòng, ông Năm Quận, ông Năm đầu sói, ông Bảy Ngẫu, ông Chín Phú, ông Hào Khựng thì chèo vô tới trong bến xuống của ông Bộ Muôn để tìm chỗ đậu. Vì ở đó là một bến nước cuối cùng của con rạch Cả Muồng có một bãi bùn và mấy bụi lá dứa nước để đậu xuống nhỏ thật êm, chớ còn chèo đi vô thêm nữa thì gập doi đất của ông Hào Ba, có cái búng khoét hòm thật sâu nước đang chảy xiết rất là dữ dội...

Sau đó họ lần lượt lên bờ, như những con chim bay lạc bầy bao năm, bây giờ mới tìm về lại bóng mát cây cao tổ ấm. Những tiếng mừng rỡ của người thân đang tụ họp đợi sẵn trên bờ, làm cho nước mắt lăn chã bờ mi, khi họ nhìn thấy mặt để biết chắc người thân của mình còn sống sót. Họ lo đìu dặt với nhau trở về lại những cái nền nhà cũ xưa kia, bây giờ đã bị cây cối cỏ dại đang mọc um tùm rất là hoang phế. Tiếng chim hoành hoạch kêu gọi với nhau trên cành cây keo gai, đã tạo ra một bầu không khí u buồn. Xa xa từng tiếng cu đất gáy vang lên áo não, để hòa tan vào một bản nhạc của đất trời, khi con người xiêu tán đang tụ hội về chốn chôn nhau.

Những bữa cơm thân mật vội vàng, được dọn ra trên một cái chõng tre, hay dọn tạm dưới nền nhà cũ còn thơm mùi đất ẩm. Rồi họ cười nói huyền thuyên, sau đó họ dẫn đi ra nhà Việc trong làng để làm giấy căn cước tùy thân. Nhưng đã bị mấy ông làng sở tại ở đây, họ nghi ngờ rồi tra hỏi bằng những lời lẽ hết sức là hách dịch. Đó cũng là một thói quen của làng nước từ trước tới giờ, bởi họ lúc nào cũng nhìn người dân với cặp mắt khó khăn, hễ có dịp thì họ ra tay tra khảo.

Làm cho những người dân hồi cư về họ nghe tủi hận một điều gì, mà họ không thể hình dung ra được. Bởi sau bao năm trời bỏ xứ tản cư, để bây giờ mới trở về nơi chôn nhau cắt rốn, rồi nhận lãnh bao nhiêu điều lạnh nhạt của chánh quyền. Phải biết trước như vậy, chắc họ ở lại Khu 9 lập nghiệp luôn. Chớ còn về xứ làm gì, để bây giờ ruột nương đất cát cũng không. Phải nai lưng ra phá rừng làm ruộng, nhưng cũng không biết rõ người chủ đất rừng kia là ai để mà hỏi xin khai khẩn...

## Chương 3

Tường mái nhà lá được dựng lên tạm bợ trong những ngày này, riêng gia đình ông Tám Cho thì hỏi xin được một cuộc đất của ông Bảy Dĩ vừa đủ cất một cái nhà gần bến nước Bộ Muôn, còn ông Bộ Tông thì cũng cất lại một căn nhà lá ba gian cũng ở bên lộ đá gần đó, hai gia đình rất thân thiết với nhau. Vì ông Bộ Tông có người con là Tư Hòa đi theo Việt Minh, bây giờ được cài ở lại. Còn ông Tám Cho thì cũng vậy, ông cũng có một người con là Năm Chắc, một đứa thanh niên chưa vợ con gì, cũng vừa mới kết nạp vào đảng Lao Động trong Khu 9 trước lúc hồi cư, còn đứa em gái là cô Bảy Duyên cũng là một liên lạc viên bí mật.

Phía trên nhà ông Tám Cho một chút là nhà của ông Năm Quận, với ông Năm đầu sói. Hai gia đình này là cách mạng nòi, vì nhà nào cũng có một người anh bị lính Bảo An giết chết vào khoảng năm 1953, vì đã đi theo Việt Minh đánh Pháp! Nên họ rất thân thiết với nhau, hễ trong gia đình mà có chuyện gì, thì họ lại dốc lòng với nhau để mà phụ sự. Đó cũng là một cái thế kết hợp để đấu tranh, mà cán bộ Việt Minh đã dày công ra đào tạo, cho những người cán bộ nằm vùng sau này. Mà hội nghị Geneva vừa ký kết, chưa biết sau 2 năm có tổ chức tổng tuyển cử được hay không. Bởi đó là những vấn đề, mà hai bên bắt buộc phải ký kết để chia đôi lãnh thổ rồi dưỡng sức...

Thế rồi mấy gia đình Việt Minh này họ cũng tìm cách sống gần nhau, để tạo thêm một sức mạnh của tinh thần, mà một cuộc chiến tranh du kích nhân dân sau này rất là cần thiết. Nhưng họ cũng không có làm gì để lộ liễu ra ngoài, ngoài việc họ vận động bà con trong xóm thành lập đội cấy, đội cuốc, đội nhổ mạ để dẫn công, cùng phụ trợ với nhau mỗi khi trong nhà có đám tiệc.

Con lộ đá từ trên An Hóa chạy dài xuống Bình Đại đã được phục hồi, từng cây cầu sắt được sở kiều lộ rầm rộ bắt qua, còn con rạch Cả Muồng thì lúc nào cũng có mấy chiếc ghe chài chở đá cục để cho xe bò chở đi đắp lộ. Hai chiếc xe hủ lô bự chảng chở khối ầm ì, ngày nào cũng tiếp tục cán dấn những cục đá cho nó nằm vể vặt với nhau, để cho người dân bước đi trên đó mà nghe bàn chun của mình mát lạnh.

Chừng nửa năm sau con lộ đá hoàn thành, tiếng xe hơi của ông Bộ Hiền chạy rước hành khách từ Bình Đại lên tới Tân Thạch mỗi ngày hai chuyến. Cuộc sống của người dân hết sức thanh bình, đêm đêm tiếng đàn Mandoline đờn hát xôn xao, khi trong xóm có đám cưới hay đám giỗ. Từng mái tóc xức dầu dừa ướt rượt, của những cô thiếu nữ trong làng xõa chấm bờ vai, cùng với

đầu tím của những đứa thanh niên đang tập tành đá lông nheo mỗi khi giáp mặt.

Lễ giáo đám cưới lần lượt phục hồi, áo dài khăn đóng lộng tàng được mấy người trưởng thượng trong làng bắt đầu mua sắm. Hội học trò lễ cúng đình cũng được thành lập do ban tế tự lập nên, tới ngày lễ cúng thần hoàng thì rước gánh hát bội về hát đủ ba đêm rất đúng theo phong tục. Rồi một đội lân, với lễ nhạc học trò lễ mặc áo thụng uy nghi, đi thỉnh sắc thần từ nơi nhà ông Cả Chánh đi ra ngoài đình làng có gióng trống châu nổi lên nghe inh ỏi. Làm cho dân chúng hân hoan miệng nở nụ cười, khi thật sự sống trong một đất nước độc lập tự do, thì trong tay của họ thứ gì cũng có. Kể cả những giềng mối cang thường, lễ lạt đối với tiền nhân, nên gương mặt người nào cũng rất hân hoan và mừng rỡ.

Còn tới ngày rằm tháng ba âm lịch thì tại ngôi chùa làng lại có cúng thí cô hồn, đồ giàn có gắn lưôi ông tiêu, để cho con nít vui chơi trong những ngày hội lớn. Trong những ngày tháng đó, người dân hầu như quên dần hình ảnh Việt Minh trong những năm dài kháng chiến. Họ không hề nhớ tới ông Hồ Chí Minh, được “mệnh danh” một vị cha già dân tộc, đang ngóng cổ trông chừng coi dân chúng miền Nam có nổi dậy hay không, để cho ông còn chuẩn bị binh lính gửi vào giải phóng. Mà họ chỉ lo chí thú làm ăn, nên trong vòng chỉ có mấy năm mà cơ ngơi của họ phát lên trông thấy rõ. Từng ngôi nhà ba gian hai chái cột đầu vuông, cất theo kiểu chữ đình được dựng lên trông rất là uy nghi bề thế, làm cho ngôi làng Lộc Thuận nổi tiếng một thời, đất cát trù phú khắp nơi, vì ở chỗ nào cũng làm ra lúa gạo.

Cũng có nhà khá giả, họ đi lên thành phố Mỹ Tho ráp một chiếc xe đạp hiệu Alcyon, mỗi khi có việc đi đâu thì họ đạp chiếc xe đạp coi cũng rất là trường giả. Mặc dầu hiện tại thì họ cũng chỉ mới đủ ăn, nhưng nhờ hoàn cảnh đất nước thanh bình, mà họ mới có cơ may để mà sắm sửa. Con người được tiến bộ lần lần, nhờ những tờ báo Thần Chung, Điện Tín, Đuốc Nhà Nam cũng được mấy người chủ xe đồ họ mang về bán lại cho dân chúng để kiếm lời. Nhờ vậy mà người dân ở nơi đây, cũng đã hiểu biết rất nhiều tin tức khắp nơi trên thế giới.

Miền Nam được sống trong một cõi thanh bình, từ mũi Cà Mau chạy dài ra tới sông Bến Hải (vĩ tuyến 17). Không có ở đâu thiếu lúa gạo, hay thiếu ngũ cốc miếng ăn, mà người dân phần đông có của dư để dành tích lũy. Mặc dầu chế độ ông Ngô Đình Diệm đã ưu đãi công giáo rất rõ ràng, bất cứ ở đâu cũng xây cất nhà thờ thân nhận giáo dân, còn một triệu người Bắc di cư thì được đối xử như con cưng muốn gì được nấy.

Nhưng người dân miền Nam họ cũng chẳng so bì, vì hạt cơm hạt gạo ở đây kiếm dễ như trở bàn tay, chỉ cần chịu cực một chút thì ở đâu cũng có, nên mọi người đang sẵn sàng mở rộng tấm lòng, không phân biệt Bắc-Nam, mà chỉ có dang tay ra đùm bọc. Nhờ thế mà trại Dinh Điền cho người Bắc di cư được nhanh chóng dựng lên, để chia cơm xẻ áo cho những người đi tỵ nạn. Đất cát phì nhiêu, ai muốn khai phá bao cũng được, không giới hạn số mẫu đất hoang, nên tập thể người Bắc di cư đã hội nhập dễ dàng, để từ đó họ thành lập nên những họ đạo lớn như: Hồ Nai, Gia Kiệm, và ở những nơi khác nữa...

Còn ở trong tỉnh Bến Tre này, thì các trại Dinh Điền cũng có lập nên, một số lượng nhỏ cũng không có gì đáng kể. Chỉ có một trại ở trên xã Thới Lai, và

một trại nhỏ ở dưới ấp Giồng Kiến thuộc xã Tân Định mà hầu hết đều theo đạo thiên chúa. Nhưng họ ăn mặc rất khác trong Nam, quần áo thì cắt đáy ngã tư, với trên đầu chích khăn mỏ quạ. Còn ngay chỗ thắt lưng thì quần ruột tượng lòng thông, có người còn đổ gạo vào trong đó mang đi, nó khác với ở trong Nam thì người ta hay gồng gánh.

Phải nói sức lực của con người phá núi bạt sông, cho nên chỉ cần một năm mà dãy đất hoang từ con kinh Chà, chạy ra tới mé sông Ba Lai người dân cũng bắt đầu khai phá. Tiếng hạ cây, tiếng dọn đất của người dân vang lên trong nắng sớm, để tạo ra một cảnh sống êm đềm, mà họ cũng chẳng cần biết đến chánh quyền của họ là ai, chánh phủ của họ đang đi theo một siêu cường nào. Họ chỉ biết ăn no rồi đi ra rừng khai phá, để mong sao đất thuộc để cấy cày, mà đời sống của người nông dân họ rất là thật thà chất phác.

Cuộc sống tuy chưa được văn minh nhưng hết sức ấm no trong cảnh thanh bình, vì dưới rạch, dưới sông thì cá ụt móng như cơm sôi, còn tôm cua cá đối, cá chẻm, cá ngát, cá kèo thì không biết làm gì cho hết. Nên họ đặt nò hoặc đóng đáy đem về có chỗ làm phân bón, đặng để dành trồng bí, trồng dưa, hay trồng thuốc giồng hút cho thơm khói.

Trong lúc mọi người đang phơi phơi làm ăn như vậy, từng tốp vẫn công, đối công với nhau ới ới hú vang trời, thì ông Mười Bờ và mấy người kia đang phá đất bồng giựt mình, khi bị ông ủy viên xã Lộc Thuận là ông Hai Lục kêu ra nhà làng dạy việc. Nói rằng mấy dây đất của ông đang khai phá là đất của Công Điền, cho nên bắt buộc phải đóng lúa ruộng cho ông ta, còn không thì ông ta lấy lại cho người khác làm chớ không có việc gì mà năn nỉ.

Nhưng ông Mười Bờ cũng như tất cả mọi người dân ở đây, họ cũng không biết đất Công Điền, Công Thổ là đất gì. Mà họ chỉ biết đó là một dãy đất rừng đã bị bỏ hoang từ trước tới nay, ngày hôm nay đất nước đã hòa bình nên họ cật lực ra công khai phá để kiếm chén cơm, nào ngờ bị ông Hai Lục ngáng họng nửa chừng, nên họ cũng bơ vơ không biết cầu cứu ở đâu, chỉ có biết âm thầm mà chịu đựng!

Ông Mười Bờ đi về tới nhà rầu rĩ mấy ngày rồi sanh bệnh, bởi lẽ mười mấy công đất rừng đã phá gần sạch rồi mà chẳng được cấy lúa để ăn. Bây giờ phải đành trả lại đi phá thêm những công đất khác, hoặc chịu phép đóng lúa ruộng cho ông ta. Nhưng đất rừng mới khai phá mà đóng lúa ruộng rồi thì đâu còn mà ăn, nên hai vợ chồng ông phải đành cúi đầu nhẫn nhục cho qua đi ngày tháng.

Vào một buổi trưa trong lúc hai vợ chồng ông gom chà lại chất đê chờ cho khô rồi châm lửa đốt, thì có ông Bảy Đẳng nhà ở ngoài xóm lộ mới, là một người theo đạo chúa rất thuần thành, ông ta đi đến từng người để rả tai truyền đạo. Người nào muốn giữ phần đất đó lại làm, thì phải đi vô đạo nhà thờ mới được. Vì ở đó đã có ông Cha xứ, mọi việc lớn nhỏ gì chỉ cần ông Cha nói một tiếng, thì làng xã ở đây cũng không còn dám lồi thòi nữa đâu mà sợ...

Ngộ biến thì phải từng quyền, thôi thì đạo gì cũng vậy hễ mình làm lành lánh dữ thì được yên vui, rồi mấy người dân khai khẩn vùng đất hoang đó bỗng đứng trở thành con chiên của chúa. Chỉ cô ông Mười Bờ thì bị bà già, và mấy người anh chị em phản đối kịch liệt mà thôi. Bởi vì gốc gác gia tộc nầy từ miền

đất Quảng Nam trôi giạt vào đây lập nghiệp, đã bao đời theo đạo Phật thờ cúng ông bà, bây giờ bỗng đứng theo đạo Chúa bàn thờ phải đành dẹp bỏ.

Nhưng có đói thì đầu gối cũng phải bò, chớ đừng có nói gì tới lý tưởng cao xa, bởi vô đạo thiên Chúa ngày hôm nay là ân sủng. Cho nên chẳng mấy chốc mà gia đình ông Mười Bờ lại thuộc kinh, và siêng năng đi nhà thờ thật là mộ đạo, mấy lễ giỗ trong nhà cũng đều nhanh chóng bỏ qua, chỉ còn có lại là ngày thứ bảy đi nhà thờ đọc kinh xin lễ.

Nhiều lúc hai vợ chồng cũng nghe thiếu vắng một cái gì, vì trong đời sống mà không có một “lễ giỗ” để xã giao với lối xóm bà con, thì mỗi dây chòm xóm mỗi ngày càng thêm lỏng lẻo. Khiến cho hai vợ chồng nhiều lúc cũng than thở nguồn cơn, nhưng luật lệ trong đạo chúa lúc bây giờ rất là nghiêm ngặt. Cái gì có dính dáng đến hai chữ “cúng kiếng” cũng đều cho rằng chỉ có cúng quỉ cúng ma, chớ họ không hề nghĩ tới đó là một phong tục đã có tự ngàn năm, một cái lễ giỗ như vậy sẽ tượng trưng cho nguồn cội. Để cho con cháu có dịp sum họp với gia đình, để tưởng nhớ tới ông bà cha mẹ tổ tiên, mà trong cuộc sống có thể vì bận rộn mưu sinh nhiều khi cả năm trời chưa gặp mặt.

\*\*\*

Trong những năm tháng đó ở xã Lộc Thuận này rất là sung túc, nhà nào cũng có dí lúa bồ, vịt tàu hăng có người nuôi tới cả mấy trăm con. Còn trâu bò thì họ cũng đang bắt đầu gây dựng, để hứa hẹn một cuộc sống ấm no, mà một dãy đất ngoài miệt Cả Muồng mệnh mông chạy ra tới ngoài sông Ba Lai, hễ cấy giống lúa nào xuống cũng đều trúng hết.

Họ có thể cho con đi lên Mỹ Tho, hoặc Bến Tre để theo học bậc trung học mà họ đã ao ước trong lòng, nhưng vì làm lụng không đủ ăn thì nói làm chi đến vấn đề học vấn. Ngày hôm nay gia đình khá giả, có người lại đi lên mua hẳn một căn nhà, để cho con cháu có chỗ đi học khỏi phải lo âu, mà họ chỉ cần chở gạo, củi đước nước mắm muối đem lên, thì trong vòng mấy năm sau ở trong nhà đã có một cậu, hay một cô tú tài để cho cả dòng họ xúm nhau mà hãnh diện.

Cặp theo hai bờ kinh con rạch Cả Muồng người ta trồng thử dưa bung, với dưa xiêm để làm thí nghiệm. Không ngờ loại dưa này chịu được nước mặn, nên nó cũng rất tốt tươi. Thế là có người lên mô trồng một lúc cả mẫu vườn, chỉ trong vòng có mấy năm mà sức lực con người đã biến một dãy rừng, trở thành một khoảnh vườn dưa với huê lợi thâu hoạch mỗi tháng rất cao. Còn ở những nơi đất trũng, thì họ cấy lúa Cà Đun tới tháng 11 âm lịch lúa chín vàng, cả một cánh đồng lúa mướt tằm mắt trong những mùa gặt hái.

Từng toán công đập bồ, công gặt họ mang hái, mang liềm đi ra ruộng vào buổi sáng tinh sương, với hai bàn chân trần bước trên đầu rạ. Cũng có nhiều người bị rạ liếm máu bàn tay, bàn chân đã chảy rớt xuống thửa ruộng của mình, nhưng bù lại họ đã có được chén cơm ngon, mà cuộc sống nông dân đã ngày đêm mong mỏi. Rồi từng hạt giống đã phơi khô, như giống lúa Phụng Lùn, giống Cà Đun Sen, giống Nàng Thước, giống Nàng Thơm mà loại nào cũng ngon cơm và dài vé. Trên gương mặt của người dân đã thấp thoáng nỗi vui

mừng, khi chiều về trên bếp của họ đã có nồi cơm, còn dưới sông rạch thì lúc nào cũng có quá nhiều tôm cá...

Trong lúc mọi người dân ở nơi đây còn đang quen sống với cuộc đời thôn dã, lúa thì phải xay tay, rồi đổ vô cối giã cho tới khi nào trắng hạt. Tuy cực khổ nhưng hạt cơm nó rất dẻo rất mềm, vì đã giữ lại một lớp cám bên ngoài làm ngọt chén cơm, nên ăn với muối tiêu tới no mà còn chưa thấy ngán. Nhưng nó đã bị lỗi thời, vì đã có ông Biện Trăm là một người sinh trưởng ở trong xã này, là một người điền chủ giàu sang, lúc chiến tranh thì ông ta chạy giặc lên thành phố Mỹ Tho lập nghiệp. Hôm nay yên giặc thì ông ta lại về làng mở ra một cái nhà máy xay lúa chà gòn, nên ông ta đang chuẩn bị lo đi mượn người đo đạc đắp nền, khiến cho trong xóm nhỏ ở gần nhà của ông Hào Ba bắt đầu rộn rịp.

Thế là ông ta mượn nhân công xắn đất móng trâu đắp nền nhà máy, ngay chỗ cái bến ghe gởi đầu với dây đất của ông Bảy Vở, để cho việc chuyên chở lúa gạo bằng đường ghe nó được dễ dàng, còn đường bộ thì chỉ cần hàn bít con xeo cống đá chạy ngang, thì cái nhà máy xay lúa này sẽ có được hai mặt đường đi, trên bờ và bến nước lúc nào cũng nhộn nhịp ghe xuồng. Khi nước lớn thì ở bên mấy xã Châu Bình, Phú Khương họ chèo xuồng qua bên này đổi nước ngọt chở về trong mùa nước mặn.

Con rạch Cả Muồng lúc này được khai thông mấy xẻo trong ngọn, nên nước từ trong nguồn dồn xuống chảy băng băng chỉ cần hai mùa nước nổi thì nó sẽ khoét hòm thành búng. Cho nên con rạch Cả Muồng nó rộng menh mông, vì thế mà thiết lập một cái nhà máy xay lúa chà gòn ở ngay chỗ này thì hốt bạc.

Quả thật ông Biện Trăm có đầu óc siêu phàm, nên chừng nửa năm sau thì cái nhà máy mở tiệc khánh thành, khi máy nổ ống khói chọc thẳng lên trời phun khói ra sin sít. Thế là bao nhiêu cối xay lúa, cối giã một thời, nong nia bầu bạn với nông dân, bây giờ lại bị bỏ bê nằm chỏng chơ ngoài hè cho bụi giăng nhện bám.

Trong xã này chỉ tội nghiệp cho chú Hai Hung, chuyên cái nghề đóng cối xay từ đời cha truyền con nối tới nay, tay nghề rất là vững chắc. Nhưng bây giờ lại dâm ra thất nghiệp, cho nên chú cũng buồn không biết than thở cùng ai, nên gia đình chú quyết lòng xay lúa rồi giã gạo như trước kia, chớ chú cũng không thêm gánh lúa tới nhà máy để chà cho tiện.

Nhưng rồi chú Hai Hung cũng không chống nổi mệnh trời, cho tới một ngày kia chú nấu một mâm cơm, rồi bày ra cúng để tạ tội cùng với tổ nghiệp ông bà để cho chú phóng sanh một đồng đất sét dùng để xảm nê, mà một cái cối xay hay dở đều do đất sét với răng nê, mà phải làm bằng cây đước răng cối xay mới là bền vững. Đó cũng là những cái bí quyết gia truyền, nhưng phải đành thất tổ kể từ đây. Bởi cái cối xay, và cái cối giã kể từ nay kể như không còn nữa. Có còn chăng là trong điệu hát câu hò, hoặc người nào đó hoài vọng với người xưa. Rồi họ khiên bỏ ngoài chái sau hè, để làm kỷ niệm đã một thời nhờ nó có hột cơm ăn.

Tội nghiệp cho chú Hai Hung, sau khi cúng váy xong rồi chú lại rưng rưng, rồi biểu vợ con bưng hết một đồng đất sét đem đắp nền nhà, còn một đồng dâm đước để làm răng cối xay, chú cũng cho hết vợ con làm củi. Chớ còn để nó lại làm chi, trong lúc đó thì ở xóm này, người ta cứ gánh lúa đi tới nhà máy để đợi chờ chà gòn cho trắng gạo. Còn cối giã, cối xay thì hạt cơm chỉ trắng ngà ngà.

Nhưng nhờ vậy mà trị được chứng bệnh phù thũng của nông dân, từ nay trở đi chắc họ phải nhờ đến chất cám hóa học, hay uống Vitamine B1 mới mong bù đắp vào chỗ mà cơ thể con người đang thiếu hụt.

Tiếng nhà máy xay lúa của ông Biện Trăm lại chạy rù rù, bụn hàng xáo bán gạo đập diu quần áo đỏ đen, để biến một làng Lộc Thuận nông thôn bỗng dưng khoe sắc. Chiều chiều lại có mấy đũa thanh niên tụ tập gần đó để đá cầu, còn dưới bến ghe thì có mấy chiếc ghe mằm từ miệt Hồng Ngự chạy xuống đàu để bán cho bà con lối xóm, đã tạo ra một cuộc sống hài hòa, mà dân tộc Việt Nam đang chịu đựng một cuộc chiến tranh 9 năm chống Pháp ác liệt vừa qua. Cho nên ngày hôm nay khắp trong xóm, ở nơi đâu cũng nghe tiếng gà gáy, tiếng con nít chạy giỡn nhảy dây, cùng với tiếng ru con trên nhíp võng, để báo hiệu một cuộc sống thanh bình ấm no thịnh vượng.

## Chương 4

Hai năm đình chiến hòa bình lặng lẽ trôi qua, người dân cũng không còn nhớ đến tổng tuyển cử là gì, mà họ chỉ lo chí thú làm ăn, để mong khai phá mấy công đất hoang trở thành đất thuộc. Vì vào thời đó ở miền Nam đất đai phì nhiêu màu mỡ, dưới sông thì tôm cá rất nhiều, còn trên ruộng đồng chỗ nào làm ruộng cũng có cơm. Phải nói đó là những năm hòa bình thịnh trị, mà chánh phủ Ngô Đình Diệm đã ra sức an dân. Có lẽ nhờ vậy mà trong giấc ngủ của người dân không còn bóng đen sợ hãi, để từ đó họ ra sức cấy cày. Chỉ mới có 2 năm mà đất nước được hồi sinh, lúa gạo ăn không hết còn phải bán cho Hoa Kiều họ chở đi xuất cảng.

Nhưng rồi chánh phủ Ngô Đình Diệm, lại để cho cái đám nịnh thần lộng quyền để ra không biết là bao nhiêu cơ man tội ác. Cho nên mới tạo ra được cơ hội cho cán bộ Việt Minh nằm vùng mới có cơ hội tác động bà con. Thoạt đầu cán bộ nằm vùng là ông Sáu Thơi ở dưới ấp Giồng Kiến lấy cơ đất cát của ông, cũng như bà con đang làm mà bị ông đại diện xã Tân Định bắt đồng lúa ruộng, một công tới 4 giạ lúa phơi khô. Nếu ai không chịu thì họ lấy lại cho người khác mượn, vì ông đại diện xã nói đất đó là đất của Chà Đò, mà ông ta đã bao tá từ lâu. Bây giờ đất cát đã thuộc nên ông phải đi thuê lúa ruộng, đó là một cảnh bóc lột trắng trợn đối với dân lành, nhưng họ biết cầu cứu vào ai. Vì ở chỗ nào cũng gặp toàn là đồ sâu dân một nước...

Trong lúc đó thì cán bộ Việt Minh nằm vùng, họ tận dụng hết thời cơ. Hễ thấy người dân bất mãn chánh quyền, thì họ đi lại nhà xúi giục để đứng lên tranh đấu. Cho nên tức nước thì phải vỡ bờ, bà con đang nghèo khổ ở ấp Giồng Kiến đã bị ông Sáu Thơi kích động lòng yêu nước lại nổi lên, họ được một số cán bộ phụ nữ nằm vùng, rủ tai tuyên truyền xúi giục đi biểu tình, để giành lại đất đai mà canh tác. Đó cũng là một cuộc biểu tình lần đầu tiên ở tỉnh Bến Tre vào năm 1957, kể từ khi ký hiệp định đình chiến 1954 đến giờ. Cho nên tỉnh Bến Tre được mệnh danh là tỉnh “Đồng Khởi” vào năm 1960, do bà Nguyễn Thị Định cầm đầu trong phong trào nổi dậy của nhân dân, để mở đầu cho một cuộc chiến tranh kéo dài tới 21 năm mới được thống nhất.

Nhưng ông quận trưởng Bình Đại lúc bấy giờ là Huỳnh Văn Hoa lại quá khôn ngoan, ông ta đã dụ cho cái đám biểu tình này đi hết vào dinh quận để dâng kiến nghị. Rồi sai lính đóng lại cổng rào, thế là đoàn người biểu tình lại tấn thối lưỡng nan, vì họ đâu có chuẩn bị sẵn tinh thần chánh trị để mà tranh đấu. Họ chỉ ham vui, khi nghe ông Sáu Thơi đi vận động, cũng như mấy bà phụ

nữ trá hình làm đầu nậu mấy đội cấy, với mấy đội cuốc để dần công, chớ họ đâu có biết chữ mà làm đơn từ kiến nghị.

Tới lúc này thì ông Sáu Thơi và mấy bà cán bộ phụ nữ đó cũng đều biến mất, thì ra họ chỉ có hô hào sách động bà con đi xuống giữa đường rồi họ tìm cách chuồng êm, bỏ lại cái đám biểu tình này liu chiu lít chít như bầy gà con lạc mẹ giữa đường. Khiến cho họ phải mất hồn, khi thấy ông quận trưởng ra lệnh bắt trói Tư Hiệp què ở bên xã Giồng Kiến, là một thanh niên đã dám đại diện cái đám biểu tình dâng kiến nghị, cùng với ba người thanh niên khác nữa đã vung tay lên đã đảo một cách cuồng nhiệt hăng say. Còn lại bao nhiêu thì ông quận trưởng thả cho về, và ông căn dặn hãy lo chí thú làm ăn, chớ đừng có nhẹ dạ mà nghe lời mấy người cán bộ Việt Minh nằm vùng xúi giục, bị chánh phủ bắt bỏ tù bỏ vợ con lại chẳng có ai nuôi...

\*\*\*

Tới đầu năm 1958, thì lực lượng Công Dân Vụ của ông Diệm lại ra đời, mặc toàn là quần áo bà ba đen đi tới đâu như hung thần tới đó. Không biết họ lãnh lương ở đâu, và cấp bậc tới cỡ nào, nhưng ai cũng biết đó là cánh tay của anh em ông Ngô Đình Diệm, của đảng Cần Lao Nhân Vị do ông Ngô Đình Nhu làm thủ lĩnh. Vì vậy mà cả làng Lộc Thuận ai nấy cũng sợ mấy người này, một phần vì lực lượng này phần đông là người Bắc di cư nói trọ trọ khó nghe, nên giữa người dân và cán bộ công dân vụ lúc nào cũng chia ra khoảng cách.

Trong lúc đó thì cái đám Việt Minh nằm vùng ở trong xã Lộc Thuận, như Năm Chắc, Tư Hòa, Tư Trừ, Năm Quận, Bảy Ruộng, Hai Cảnh, Hai Đầy, Chín Thông, Tám Rổ, Tư Trừ, Tư Chánh, Mười Nhơn, Mười Lương, Tư Cổ, Chín Trưởng, bà Ba Ấu, bà Tư Đều, bà Tư Đằm, bà Hai Chiêm, bà Mười Thêm, ông Năm đầu sói và những người cán bộ nòng cốt trung kiên khác nữa. Họ đã ra sức tuyên truyền, rồi tới đến họ đổi chỗ ngủ ở những nơi bí mật. Mặc dầu lúc đó ông Hai Lục đang làm ủy viên xã, nếu muốn bắt thì hốt gọn như trở bàn tay, nhưng đất trời dường như sắp đặt phải có chiến tranh, nên Việt Minh ngờ ngờ ra đó mà không ai vây bắt, mà họ chỉ bắt những người dân vô tội, rồi đem về đồn đánh đập để kiếm tiền. Nhờ vậy mà bọn Việt Minh mới có cơ tuyên truyền, chẳng bao lâu sau người dân đi theo họ rất đông, thế là tự nhiên họ đã có một cơ sở hậu cần của nhân dân rất là vững mạnh.

Bên cạnh đó mấy ông làng xã này thì vợ vét hối lộ dân lành, lo đi kiếm vợ nhỏ một dọc cho hai ba bà, chớ họ đâu có biết trách nhiệm của mình để lo giữ gìn an ninh lãnh thổ. Rồi vào một đêm khuya, truyền đơn lại rải xuống tại chợ ngã tư, kêu gọi đồng bào hãy vùng lên giải phóng, để phá tan chế độ kềm kẹp ngục quyền, và đòi hỏi phải tổ chức tổng tuyển cử hiệp thương, theo đúng trong bản văn của hiệp định Genève đã ký ngày 20/7/1954 ở bên Thụy Sĩ.

Cũng bắt đầu từ đó mấy người cán bộ Việt Minh họ lặn thật sâu, nhưng cũng chỉ quanh quẩn ở xóm làng, chớ chưa có dám thoát ly ra rừng, vì hiện tại thì mấy cục rừng ở đây còn quá mỏng. Chỉ cần vài đại đội bao vây thì trốn hết trơn, nên cán bộ Việt Minh bám theo dân mà chiến đấu. Nhờ thế mà tồn tại cho tới sau này...

Rồi cái cảnh mua quan bán tước tại miền Nam lại xảy ra, cái chức đại diện xã Lộc Thuận cũng đang lên giá. Ông Tư Thạnh là một người lo buôn bán ở nổi, cả cuộc đời của ông sống ở dưới chiếc ghe chà dom, rồi ông o bế được một bà ở tại chợ Lộc Thuận lấy đi làm vợ. Nhưng ông ta lại thấy cái chức ủy viên xã coi vậy mà dễ kiếm ăn, chợ còn buôn bán ở nổi lúc này sao ế ẩm, thế là ông ta dùng tiền bạc lo đi đút lót, rồi ông ta lên nắm được cái chức này, chẳng bao lâu ông cũng giàu to, vì lớp bòn rút của dân, lớp của công nho không sao kể xiết.

Nhưng ông đại diện Thạnh này là người Phật giáo thuần thành, ông ta không ăn cánh với mấy ông cha bề trên, hơn một năm sau thì cái chức ủy viên xã phải bàn giao lại cho ông Hai Xộn. Ông này cũng không ai biết gốc gác ở đâu, mà chỉ biết ông ta là người công giáo đi theo quê vợ về đây lập nghiệp.

Nghe trong gia đình bên vợ ông ta nói lại, là hồi trước ông ta đi lính Bình Xuyên, làm tới ông ách “thượng sĩ như” chớ không phải nhỏ. Nhưng bị lính của ông Ngô Đình Diệm rượt tới bước đường cùng, ông Bảy Viễn thì được máy bay Pháp rước tại Bà Rịa nên chạy về bên đó vinh thân, còn cái đám đàn em bỏ lại mạnh dứa nào nấy rã ngũ tan hàng. Thành thử trong xóm ngã tư người ta thường gọi ông ta bằng ách Xộn, cho nó thân mật cảm tình, vì ông ta có cất một cái thum hớt tóc để kiếm cơm, nhờ thế mà ông ta cũng mau chóng quen biết hết bà con trong xã ấp.

Thế mà hôm nay dùng một cái ông ta nắm chức ủy viên của cái xã này, gương mặt Bình Xuyên năm xưa của ông ta lại tức tốc hiện ra, vừa phách lối vừa khó khăn khiến cho cô bác ở đây rất là khổ sở. Nhưng ông đại diện Xộn lại là người có trình độ quân sự hẳn hoi, nên chẳng bao lâu sau ông ta bắt dân xắn đất cất một cái đồn tại chợ ngoài có hào sâu bao bọc. Chông sắt, chông tre lại cắm tua tủa chĩa mũi lên trời, làm cho một cái đồn lính nghĩa quân trong xã phứt chốc lại oai nghiêm, khi mỗi buổi sáng đều có chào cờ rồi hát bài “toàn dân Nhớ Ôn Ngô Tổng Thống”.

Cũng bắt đầu từ lúc đó chiến tranh bắt đầu bộc phát nổi lên, nên đạo luật số 10/59 của chánh phủ Ngô Đình Diệm ra đời. Lê máy chém đi khắp các nơi, để chém đầu Việt Minh nằm vùng để giữ gìn trật tự. Nhưng ông Hồ Chí Minh đoán được thời cơ đã đến, nên đã liên kết với Miền, Lào làm thành một khối Liên Bang Đông Dương. Để bắt đầu từ đó bọn Việt Minh nằm vùng họ tích cực hoạt động đêm ngày, ra sức móc nối với nhau, nên chẳng bao lâu sau đã xây dựng được hạ tầng cơ sở rất là vững chắc.

\*\*\*

Tiếng súng Đồng Khởi của Việt Minh đã nổi dậy tại xã Ba Giác, quận Mõ Cày tỉnh Bến Tre vào một đêm khuya tháng 1/1960 (dương lịch), để mở đầu cho một chiến dịch trừ gian, phá Tề diệt Ngụy mà bọn Việt Minh nằm vùng đang cố sức hô hào, để kích động lòng căm thù của người nông dân vùng lên giải phóng. Chi bộ đảng của ông Năm Quận ở xã Lộc Thuận thích huyết tể cờ, để bắt đầu một màn ám sát giết người thật là ghê rợn. Họ không cần biết người bị giết đó là ai, có tội tình gì, chỉ cần hay đi chợ hoặc đi ra nhà làng có việc xin

giấy tờ gì đó, thì họ theo dõi bắt trói chém đầu, sau đó một bản án được dán lên, cho rằng người bị giết là tên lính kín ác ôn đã bị cách mạng trừng trị.

Rồi một ngày kia, anh Hai Ngâu ở xã Lộc Thuận, sống với nghề chạy xe lôi tàu mo từ mấy năm nay đang chờ rước mối ở chợ ngã tư, thì có một người đàn bà trạc chừng 37 tuổi, dáng người nhanh nhẹn, nhưng che dấu sự giả hoạt dưới chiếc khăn rằn, chòng qua khuôn mặt như một bà nhà quê để không cho ai nhìn rõ. Thoạt đầu bà ta làm bộ kêu anh Hai Ngâu, biểu chở đi lên Cây Dương chợ Vang Quới dưới, để mua một cặp heo con, rồi bao luôn bận về hỏi coi tính bao nhiêu cũng được.

Hai Ngâu thấy chuyến xe này dễ ăn quá, anh nói với cái giá vừa phải để giữ khách hàng, nào ngờ đây là một cuộc xe vĩnh biệt. Từng làn gió chướng thổi rất trên mặt đường mát rượi, khiến cho Hai Ngâu vui vẻ tinh thần, nên anh vô số đập ga. Phải đập cho đến năm sáu lần thì chiếc xe mới chịu nổ, vì chiếc xe lôi tàu mo này được cải biên từ chiếc xe gắn máy, sản xuất ở bên Đức cách nay cũng mấy chục năm. Nhưng được có cái khi nó được nhập cảng vào Việt Nam thì xài hoài không bao giờ hư cả. Từ chiếc xe gắn máy của thầy chú đi làm việc ở khắp các hãng xưởng, văn phòng. Rồi trôi giạt về tới nông thôn, để hôm nay nó lại trở thành một chiếc xe lôi chở khách rất là thông dụng.

Riêng về bà khách bí mật này có lẽ cũng đang nhận lãnh một sứ mạng giết người, cho nên khi lên ngồi trên xe rồi thì bà lấy khăn kéo xuống để đừng ai ngó thấy. Chiếc xe lôi của ông Hai Ngâu vẫn chạy trên con đường lộ đá chết người, nhưng anh nào biết nào hay, mà anh cứ tính nhắm trong đầu là chạy xong cuộc này thì anh sẽ trở về nhà, để đi rước thầy Năm Khuy đi lại nhà tiêm thuốc cho đứa con trai vừa tròn 4 tuổi. Bởi thằng này đã bị cảm sốt mấy ngày nay, nhưng vì trong nhà đã hết tiền, nên vợ chồng anh phải ráng cắn răng nhìn đứa con của mình bệnh mà không có một viên thuốc.

Bao ý nghĩ hỗn nhiên trong đầu làm cho anh cũng vui lây, thỉnh thoảng Hai Ngâu cũng có gởi chuyện với bà khách ngồi trên xe theo thông lệ. Rồi khi chiếc xe tàu mo queo vô con đường đất, để đi vào cây dương, thì bỗng dừng anh lại dùn mình. Đó là một điểm báo trước mà anh nào hay, nên anh ráng cầm vững tay ga mong chạy cho nhanh để về cho sớm.

Khi chiếc xe của Hai Ngâu chạy bỏ hết mấy ven đồng, tới chỗ một cụm dừa tơ của ai đó vừa trồng mới xây bàn than, thì bà khách trên xe biểu anh ngừng lại. Thấy vậy Hai Ngâu mỉm cười, hỏi:

- Ủa bộ tới chỗ rồi hả bà chị?

Bà khách vui vẻ trả lời:

- Anh ngừng cho tôi xuống đây cắt ít bẹ dây chuối rồi hãy đi, vì sợ một lát nữa không có gì cột con heo thì nó xẩy ra rồi không biết phải làm sao.

Nhưng khi chiếc xe lôi vừa ngừng lại, thì có người đàn ông từ trong bờ dừa bước ra, mà trong tay đang cầm một cái chét lá mài sáng quắc. Nhìn kỹ ra thì đó là ông Ba Tranh, một tay cán bộ Việt Minh đang nằm vùng nổi tiếng hiện giờ. Ông Hai Ngâu bèn giả lả:

- Mạnh hả anh Ba...

Nhưng Ba Tranh không nói không rần, cứ đưa chét lá lên chém tới tấp. Hai Ngâu tràn qua né tránh, nhưng đã bị thương, anh định mở đường máu thoát

thân, thì người đàn bà kia trật khăn rằn xuống, rút con dao yếm đang giấu trong mình ra chặn đầu chém tới...

Hai Ngâu từ từ gục xuống, dòng máu nóng hồi trào ra giữa cảnh hoang vắng lạnh lùng. Một bản án Việt gian được người ta gài lên khuy áo, rồi người đàn bà kia và Ba Tranh lại băng qua miệt Giồng Sầm, để rút vô khu rừng chồi ẩn núp bí mật như một loài quỷ dữ trong đêm, rồi đây còn biết bao nhiêu người dân lành vô tội sẽ chết oan dưới lưỡi dao oan nghiệt như vậy nữa.

Tiếng mõ mù u lại đánh lên để báo động liên hồi, cho nên trai tráng trong làng tay xách gậy gộc chạy tới chạy lui, và làng xã ở trên xã Vang Quới cho người đi thơ chạy xuống xã Lộc Thuận thông báo, với gia đình rằng ông Hai Ngâu đã bị Việt Minh nằm vùng giết chết.

Suốt trong đêm đó dân chúng ai nấy cũng lạnh giò, khi họ bị làng lính bắt đi khiêng cái xác của hai Ngâu về tắm rửa để làm đám ma, mà người dân chỉ lén đến thắp nhang vì ai cũng sợ tai bay qua gởi. Tội nghiệp cho bà vợ của ông Hai Ngâu, hồn bất phụ thể khi chồng bị người ta hạ sát thành linh, còn Việt gian hay lính kín gì đó thì chị nào có biết gì đâu, mà chị chỉ có biết ôm xác chồng rồi gào lên thảm thiết.

Sau cái chết của Hai Ngâu chừng hai tháng, thì vào những đêm tối trời xã Lộc Thuận, xã Vang Quới, xã Phú Vang, xã Tân Định cũng giống nhau, là Việt Minh nằm vùng rải truyền đơn trắng xóa. Mà nội dung cũng chẳng có nói rõ chuyện gì, chỉ kêu gọi đồng bào hãy nhất tề đứng dậy diệt Tề diệt Ngụy, để giải phóng cho đồng bào. Vì đất nước đang bị lâm nguy, khi gia đình trị của ông Ngô Đình Diệm đang ra tay bóc lột. Chỉ tội nghiệp cho người dân ở miệt nông thôn, họ đâu có biết gia đình trị là gia đình gì, nên họ đi theo Việt Minh mà không cần tìm hiểu lý do của lòng yêu nước đặt vào chỗ đó đúng hay sai. Để sau này trở thành một thảm họa cho dân tộc, khi cuộc chiến tranh tàn sát cứ kéo dài, mà miền Nam với miền Bắc đều mang một huyết thống với nhau, chỉ có khác nhau trong chánh sách cai trị do hai thế lực siêu cường trên thế giới nhẩy vào khuynh đảo. Biến miền Nam làm một tiền đồn của thế giới để chống cộng hiện giờ, nên máu của người dân của miền nam cứ tiếp tục chảy xuống mà chưa thấy được ngày chấm dứt!